UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2292 /BC-SYT

Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 9 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác y tế 9 tháng đầu năm 2022, nhiệm vụ và giải pháp 3 tháng cuối năm 2022

Phần thứ nhất
Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh 9 tháng đầu năm 2022

1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của địa phương ảnh hưởng đến lĩnh vực y tế 6 tháng đầu năm

Trong 9 tháng đầu năm, mặc dù dịch Covid -19 đã được khống chế, nhưng Ngành Y tế toàn ngành từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở tiếp tục chịu tác động của dịch Covid-19.

2. Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản 9 tháng

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu y tế cơ bản:

TT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	TH 9 tháng
1	Tổng số giường bệnh KH	giường	3.870	3.835
	Trong đó: - Tuyến tỉnh	giường	2.260	2.225
	- Tuyến huyện	giường	1.610	1.610
2	Số giường bệnh KH/ vạn dân	giường	30,2	31,07
3	Số bác sĩ/ vạn dân	người	7,72	**7,66**
4	Số xã, phường, thị trấn có Trạm Y tế	xã	171	171
5	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn có trạm y tế	%	100	98,84
6	Số trạm y tế xã, phường, thị trấn có bác sỹ hoạt động	người	173	173
7	Tỷ lệ trạm y tế xã có bác sỹ hoạt động	%	100	100
8	Số xã, phường đạt chuẩn QG về y tế	Xã	153	**153**
9	Tỷ lệ xã, phường, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế	%	88,44	88,44
10	Tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 5 tuổi	‰	11,0	Đánh giá cuối năm
11	Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi (cân nặng/tuổi)	%	12,5	
12	Tỷ lệ người dân tham gia BHYT toàn dân	%	93	94,67

TT	Chỉ tiêu cơ bản	ĐVT	Kế hoạch năm 2022	TH 9 tháng
13	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)	người	110,9	**107,68**

3. Đánh giá những thành tựu đạt được của công tác y tế trong kỳ báo cáo

3.1. Các hoạt động chuyên môn, cung ứng dịch vụ y tế:

a. Y tế dự phòng, quản lý môi trường y tế:

Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, có biện pháp chủ động phòng ngừa, giám sát chặt chẽ nên trong 9 tháng đầu năm dịch bệnh đã được kiểm soát tốt, hạn chế tối đa các trường hợp tử vong do bệnh dịch nguy hiểm.

Chủ động tham mưu củng cố, kiện toàn Ban chỉ đạo phòng chống dịch các cấp; 100% các đơn vị xây dựng kế hoạch phòng chống dịch, kiện toàn ban chỉ đạo phòng chống dịch, thành lập các đội cơ động phòng chống dịch. Công tác phòng chống dịch thực hiện theo nguyên tắc 4 tại chỗ, chuẩn bị sẵn sàng nguồn lực đảm bảo đáp ứng trong mọi tình huống dịch xảy ra.

**** Tình hình phòng, chống dịch COVID-19:***

Số ca mắc 9 tháng đầu năm 2022: 43.921 ca

- Số ca mắc COVID-19 tại tỉnh từ ngày 01/01/2021 đến nay: **49.751** ca bệnh.

Trong đó: Số ca khỏi bệnh: **49.449**; Số bệnh nhân tử vong: **135**; Tổng số ca hiện đang điều trị **167.**

*** Phân tích số ca hiện đang điều trị (167)**

+ Tại nhà: 164 ca; tỷ lệ: 98,2%;
+ Tại bệnh viện: 03 ca; tỷ lệ: 1,8%;
+ Ca không triệu chứng và nhẹ: 166 ca, tỷ lệ: 99,4%;
+ Ca triệu chứng vừa: 01 ca, tỷ lệ: 0,6%;
+ Ca triệu chứng nặng: 00 ca.

b. An toàn thực phẩm:

Tập trung chỉ đạo truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng, cảnh báo mối nguy ATVSTP, quản lý cấp phép và kiểm tra giám sát thực hiện.

Công tác thanh, kiểm tra từng bước được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả nhờ làm tốt việc tổ chức phối hợp liên ngành. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về ATVSTP là 95,8%, tăng 2,8% so cùng kỳ năm trước.

Công tác phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm được triển khai tích cực, công tác bảo đảm ATVSTP phục vụ các ngày lễ kỷ niệm, các sự kiện trọng đại diễn ra trên địa bàn tỉnh được quan tâm đặc biệt và được triển khai một cách chủ động và kịp thời.

Trong 9 tháng đầu năm, không xãy ra ngộ độc thực phẩm.

c. Khám, chữa bệnh:

Trong 9 tháng đầu năm, Ngành tập trung chỉ đạo nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tuyến tỉnh và tuyến huyện để đáp ứng nhu cầu nâng cao của nhân dân. Các biện pháp thực hiện tập trung vào triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo, văn bản pháp quy và các hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế; chỉ đạo các đơn vị xây dựng các kế hoạch phát triển chuyên môn kỹ thuật và nâng hạng bệnh viện; tăng cường thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện chính sách pháp luật về khám chữa bệnh công lập và ngoài công lập; phối hợp với các ngành liên quan trong xây dựng và thực hiện cơ chế chính sách, giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong hoạt động khám chữa bệnh; tham mưu cho UBND tỉnh trong việc bổ sung các nguồn lực cho phát triển sự nghiệp khám, chữa bệnh,...[1]

Các cơ sở điều trị trong toàn ngành vẫn còn chịu ảnh hưởng của dịch COVID-19, công suất sử dụng giường bệnh đạt thấp (dưới 85%, đặc biệt tuyến huyện 60,27%).

Đã triển khai hệ thống Hội chẩn từ xa, kết nối giữa các bệnh viện tuyến tỉnh với các bệnh viện truyến trung ương.

Triển khai công tác kiểm tra chất lượng bệnh viện và kiểm tra Bệnh viện an toàn trong phòng, chống dịch COVID-19 năm 2021 báo cáo Bộ Y tế.

d. Dân số, kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản:

Tăng cường công tác truyền thông trên phạm vi toàn tỉnh về nâng cao nhận thức của cộng đồng về chính sách DS - KHHGĐ. Tiếp tục triển khai các Đề án về nâng cao chất lượng dân số.

Tỷ số giới tính khi sinh (số bé trai/100 bé gái)[2]: 107,68/100.

3.2. Hệ thống thông tin y tế:

Triển khai thực hiện đề án Hồ sơ sức khỏe điện tử. Ứng dụng công nghệ thông tin trong hiện đại hóa nền hành chính, thực hiện Chính phủ điện tử (hệ thống iOffice của tỉnh), các bệnh viện đang triển khai hệ thống HIS, liên thông dữ liệu với cổng Bảo hiểm xã hội và cổng Bộ Y tế. Ngành Y tế đã triển khai và

---

[1] Công suất SDGB: Toàn tỉnh 84,8% (tuyến tỉnh 100,33%, tuyến huyện 60,27%, tư nhân 99,97%). Số lần khám bệnh: 1.617.390, Số BN nội trú: 132.650; Số lần XN 2.207.655; Số lần chụp XQ 245.280, Số lần siêu âm 301.065.

- Các kỹ thuật mới được thực hiện tại BVĐK tỉnh: Chụp động mạch vành, Chụp, nong và đặt stent động mạch vành, PP Thẩm tách siêu lọc máu HDF-Online. Nội soi dạ dày có gây mê; Ghi điện cơ. Các kỹ thuật cao thực hiện tại BVĐK tỉnh: Mổ thay khớp háng, Mổ nội soi khớp gối, Mổ thoát đĩa đệm CSTL, PT nội soi niệu quản tán sỏi bằng máy Laser, PT máu tụ dưới màn cứng, Phẫu thuật nội soi đốt hạch giao cảm, Phẫu thuật nạo vét hạch D3, cắt 2/3 dạ dày, cắt đường mật ngoài gan, cắt túi mật, nối hổng tràng ống gan chung.
- Các kỹ thuật mới thực hiện tại BV Sản Nhi: Sàng lọc sơ sinh; Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng [Đẻ không đau]; Nội soi thực quản - dạ dày - tá tràng gây mê; Chụp cộng hưởng từ.

[2] Tổng số trẻ sinh ra tính đến 9/2022 là 6.351 trẻ (3.293 nam/ 3.058 nữ, tỷ số giới tính khi sinh 107,68/100), con thứ 3 trở lên là 889 trẻ chiếm tỷ lệ 14,0%.

duy trì hệ thống giao ban trực tuyến từ tỉnh đến huyện, góp phần thực hiện chỉ đạo xuyên suốt.

3.3. Dược, trang thiết bị và công trình y tế:

Triển khai công tác Đấu thầu cung ứng thuốc, trang thiết bị, hóa chất và vật tư y tế cho hoạt động thường xuyên của các cơ sở y tế trong toàn ngành và phục vụ công tác phòng, chống dịch Covid-19; Công khai kết quả đấu thầu bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả.

3.4. Tài chính, đầu tư và bảo hiểm y tế:

Triển khai thực hiện các giải pháp bảo đảm lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân. Triển khai dự án "Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở - Dự án thành phần tỉnh Quảng Ngãi''. Đảm bảo vật tư y tế, phương tiện bảo hộ và chống nhiễm khuẩn, hóa chất phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh.

3.5. Quản lý nhà nước và điều hành ngành Y tế: Cải cách thủ tục hành chính; Thanh tra, kiểm tra và hợp tác quốc tế.

Chủ động tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo về công tác y tế. Sở Y tế đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị tăng cường công tác giám sát dịch bệnh, đặc biệt công tác phòng, chống dịch Covid-19 (tham mưu ban hành Quyết định của Ban chỉ đạo về Phương án cách ly, theo dõi tập trung những người đến từ vùng có dịch đến Quảng Ngãi và người Việt Nam trở về từ vùng dịch. Tham mưu Ban chỉ đạo tỉnh, Ban cán sự Đảng UBND tỉnh; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy các báo cáo về tình hình dịch bệnh và triển khai các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh); tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; đảm bảo bố trí nhân lực thường trực khám chữa bệnh, phòng chống dịch.

4. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình hoạt động của Ngành y tế trong 9 tháng đầu năm 2022 gặp nhiều khó khăn, hạn chế, nhất là ảnh hưởng nặng nề tác động của dịch COVID-19. Chất lượng các dịch vụ khám, chữa bệnh chưa thật sự đáp ứng đầy đủ nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân. Công suất sử dụng giường bệnh ở nhiều bệnh viện vẫn còn thấp do ảnh hưởng dịch COVID-19. Nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao vẫn còn thiếu so với nhu cầu, nhất là tại tuyến huyện. Điều kiện chăm sóc y tế cho người nghèo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn.

Phần thứ hai
Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu 3 tháng cuối năm 2022.

1. Cung ứng dịch vụ y tế

- Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới y tế dự phòng và y tế cơ sở, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để dịch lớn xảy ra.

- Tăng cường đầu tư cơ sở về vật chất, trang thiết bị, đào tạo cán bộ tại tất cả các tuyến y tế. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tại các bệnh viện trong tỉnh; tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ, kỷ luật, kỷ cương hành chính tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Kiểm soát tỷ lệ tăng dân số và tỷ số giới tính khi sinh ở mức hợp lý.

- Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án thuộc Chương trình mục tiêu Y tế Dân số; các đề án, kế hoạch, chương trình hành động thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh đã được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành.

2. Về hệ thống tổ chức bộ máy cán bộ

Củng cố, hoàn thiện hệ thống tổ chức bộ máy cán bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở, với các nội dung chủ yếu như sau:

- Củng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo Đề án vị trí việc làm đã được UBND tỉnh phê duyệt;

- Hoàn thành công tác Tuyển dụng nhân viên y tế năm 2022.

3. Công tác Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực và khoa học công nghệ

- Trên cơ sở Đề án phát triển nguồn nhân lực của tỉnh, Sở Y tế xây dựng kế hoạch đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế. Trong đó, ưu tiên đào tạo các chuyên khoa sâu, kỹ thuật cao (tiến sĩ, chuyên khoa cấp II, thạc sĩ) về Gây mê, Hồi sức cấp cứu, Ngoại, tim mạch cho bệnh viện tỉnh và các bệnh viện huyện đồng bằng; chuyên khoa sơ bộ, chuyên khoa cấp I cho các huyện miền núi.

- Phân bổ nhân lực chuyên môn hợp lý tại tất cả các tuyến, đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị đã được cung cấp.

- Triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học thiết thực, có tính ứng dụng cao.

4. Công tác Dược, trang thiết bị và cơ sở hạ tầng

- Hoàn thành công tác đấu thầu mua thuốc, vật tư y tế, hoá chất, hoá chất xét nghiệm năm 2022-2023 đảm bảo cung ứng đủ số lượng, chất lượng, kịp thời, không để thiếu thuốc, vât tư y tế, hóa chất, hóa chất xét nghiệm. Xây dựng Kế hoạch đấu thầu năm 2023-2024.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra công tác dược, quản lý, sử dụng trang thiết bị có hiệu quả.

- Triển khai thực hiện đề án nâng cấp, sửa chữa các cơ sở y tế giai đoạn 2021-2025 sau khi UBND tỉnh phê duyệt.

- Mua sắm trang thiết bị y tế cho các đơn vị trực thuộc.

5. Hệ thống thông tin y tế

- Xây dựng kế hoạch phát triển hệ thống thông tin y tế năm 2023 và định hướng đến năm 2025.

- Tiếp tục triển khai Đề án Hồ sơ sức khỏe điện tử. Thực hiện Kế hoạch chuyển đổi số Ngành Y tế.

- Củng cố và hoàn thiện hệ thống chỉ số, sổ sách ghi chép và báo cáo thống kê y tế toàn ngành.

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thường xuyên chuyển dữ liệu khám, chữa bệnh lên cổng Bộ Y tế để tích hợp vào Hệ thống IOC của tỉnh.

6. Tài chính y tế và đầu tư

- Tiếp tục quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với các cơ sở y tế công lập theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Triển khai thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, tranh thủ nguồn hỗ trợ từ Trung ương, từ các chính phủ, tổ chức phi chính phủ, cá nhân trong và ngoài nước (đề án hợp tác Hàn Quốc, Cu Ba).

- Thực hiện chính sách phí, viện phí đúng theo quy định, tạo nguồn thu bổ sung đầu tư cho các cơ sở y tế.

- Tiếp tục đề nghị thực hiện các biện pháp mở rộng đối tượng tham gia bảo hiểm y tế, thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân.

7. Tổ chức và quản lý nhà nước về y tế

- Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và trách nhiệm cá nhân từ Lãnh đạo Sở đến Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý trong tất cả các hoạt động thuộc lĩnh vực hoạt động, quản lý.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra; nghiêm khắc xử lý các trường hợp vi phạm và kịp thời khen thưởng, động viên các cá nhân, tập thể có thành tích tốt trong hoạt động khám, chữa bệnh và thực hiện y đức.

- Gắn công tác giáo dục về y đức trong đội ngũ cán bộ y tế với cuộc vận động học tập và làm theo tư tưởng, phong cách, đạo đức Hồ Chí Minh, thực hiện tốt quy tắc ứng xử của Bộ Y tế; lấy 12 điều y đức làm nội dung rèn luyện, tu dưỡng thường xuyên của mỗi cán bộ y tế.

8. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá

Tiếp tục triển khai Đề án về Xã hội hoá y tế; kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư xây dựng bệnh viện đa khoa, chuyên khoa ngoài công lập trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích các cơ sở y tế công lập liên kết với các cá nhân, doanh nghiệp để đầu tư các trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại, phục

vụ nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh cho nhân dân; Tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân; các hoạt động liên kết tại các bệnh viện công lập trên địa bàn tỉnh.

9. Chủ động phòng chống dịch COVID-19

Tiếp tục triển khai các phương án điều trị bệnh nhân đã được phê duyệt. Giám sát chặt chẽ tại cộng đồng.

Triển khai và quản lý tốt công tác tiêm phòng vacxin phòng chống dịch Covid-19.

10. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe

Kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống truyền thông giáo dục sức khoẻ từ tỉnh đến cơ sở, đầu tư trang bị các phương tiện cần thiết để hoạt động đạt hiệu quả.

Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với từng địa phương, từng thời điểm, từng nội dung, từng chương trình, để tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc đoàn thể, cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng Bộ Y tế;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- Sở KH và Đầu tư,
- Cục Thống kê tỉnh;
- Phòng PA08 (Công an tỉnh);
- Khối thi đua VH-XH;
- Đảng ủy Sở Y tế;
- GĐ, các PGĐ Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các Phòng và Thanh tra Sở Y tế;
- Lưu: VT.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH QUẢNG NGÃI

Phạm Minh Đức

Số liệu KCB 9 tháng đầu năm 2022

TT	Cơ sở y tế	Số giường bệnh KH	Tổng số người điều trị nội trú	Tổng số ngày điều trị nội trú	Công suất SDGB	Ngày điều trị Nội trú BQ
	TỔNG SỐ	**3.870**	**119.422**	**881.588**	**84,37**	**7,38**
I	**Tuyến tỉnh**	**2.260**	**71.296**	**612.216**	**100,33**	**8,59**
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	900	30.759	226.731	93,30	7,37
2	BVĐKKV Đặng Thùy Trâm	260	9.053	143.953	205,06	15,90
3	Bệnh viện Y học cổ truyền	220	2.204	37.759	63,57	17,13
4	Bệnh viện Lao và B.Phổi	110	1.560	18.857	63,49	12,09
5	Bệnh viện Sản - Nhi	600	25.524	158.350	97,75	6,20
6	Bệnh viện Tâm thần	110	1.283	22.673	76,34	17,67
7	Trung tâm Mắt	25	913	3.893	57,67	4,26
II	**Tuyến huyện**	**1.610**	**45.038**	**262.001**	**60,27**	**5,82**
1	Huyện Ba Tơ	120	4.204	17.761	54,82	4,22
2	Huyện Bình Sơn	230	7.073	47.605	76,66	6,73
3	Huyện Lý Sơn	60	1.844	9.924	61,26	5,38
4	Huyện Minh Long	80	2.497	17.211	79,68	6,89
5	Huyện Mộ Đức	170	4.722	26.150	56,97	5,54
6	Huyện Nghĩa Hành	120	4.215	25.293	78,06	6,00
7	Huyện Sơn Hà	150	3.634	18.319	45,23	5,04
8	Huyện Sơn Tây	70	2.990	19.690	104,18	6,59
9	Huyện Sơn Tịnh	220	5.352	35.521	59,80	6,64
10	Huyện Trà Bồng	170	3.861	16.012	34,88	4,15
11	Huyện Tư Nghĩa	160	2.723	18.114	41,93	6,65
12	Thành phố Quảng Ngãi	60	1.923	10.401	64,20	5,41
	BV tư nhân	**110**	**13.228**	**29.692**	**99,97**	**2,24**
1	BV Mắt KTC	10	1.885	3.017	111,74	1,60
2	BV Phúc Hưng	100	11.343	26.675	98,80	2,35